|  |  |
| --- | --- |
| SỞ Y TẾ TỈNH ĐĂK NÔNG  **TTYT HUYỆN ĐĂK MIL** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /BC-TTYT | *Đăk Mil, ngày 27 tháng 11 năm 2024* |

**BÁO CÁO**

**CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG NĂM 2024**

**I/ Báo cáo chỉ số đo lường năm 2024:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ số** | **Tên chỉ số**  **( Tần xuất báo cáo 12 tháng )** | **Kết quả ( Số liệu từ ngày 01/01/2024 đến 15/11/2024)** | **Đạt/**  **Không đạt** |
| **Chỉ số 1** | Tỷ lệ thực hiện cải tiến chất lượng đúng tiến độ | 83\*100/83= **100%** | **Đạt** |
| **Chỉ số 2** | Tỷ lệ phẫu thuật loại II trở lên | 538\*100/551=**97.7%** | **Đạt** |
| **Chỉ số 3** | Tỷ lệ sự cố y khoa trong đơn vị được phát hiện và báo cáo | **100%** | **Đạt** |
| **Chỉ số 4** | Thời gian nằm viện trung bình. | 47983/10548**=4.5 ngày** | **Đạt** |
| **Chỉ số 5** | Thời gian khám bệnh trung bình của người bệnh. | 3.705.177/93212= **39 phút 45 giây** | **Đạt** |
| **Chỉ số 6** | Công suất sử dụng giường bệnh | 47983\*100/185\*365= **70%** | **Không đạt** |
| **Chỉ số 7** | Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh ( nội trú và ngoại trú) | 3198\*100/102317=**3.1%** | **Đạt** |
| **Chỉ số 8** | Tỷ lệ hài lòng của Người bệnh với dịch vụ khám chữa bệnh. | **91.8%**  *(Số liệu chiết xuất từ phần mềm KSHL của BYT)* | **Đạt** |
| **Chỉ số 9** | Tỷ lệ hài lòng của nhân viên y tế | **95.35%**  *(Số liệu chiết xuất từ phần mềm KSHL của BYT)* | **Đạt** |
| **Chỉ số 10** | Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến | **72%** | **Đạt** |

**II/ So sánh chỉ số đo lường với cùng kì 2023:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ số** | **Tên chỉ số**  **( Tần xuất báo cáo 12 tháng )** | **Năm 2023** | **Năm 2024** | **So sánh** |
| **1** | **Chỉ số 1** | Tỷ lệ thực hiện cải tiến chất lượng đúng tiến độ | 100% | 100% | Bằng |
| **2** | **Chỉ số 2** | Tỷ lệ phẫu thuật loại II trở lên | 91.52% | 97.7% | Tăng 6.2% |
| **3** | **Chỉ số 3** | Tỷ lệ sự cố y khoa trong đơn vị được phát hiện và báo cáo | 100% | 100% | Bằng |
| 4 | **Chỉ số 4** | Thời gian nằm viện trung bình. | 4,2 ngày | 4.5 ngày | Tăng 0.3 ngày |
| 5 | **Chỉ số 5** | Thời gian khám bệnh trung bình của người bệnh. | 34 phút 54 giây | 39 phút 45 giây | Tăng 4 phút 51 giây |
| 6 | **Chỉ số 6** | Công suất sử dụng giường bệnh | 65% | 70% | Tăng 5% |
| 7 | **Chỉ số 7** | Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh. | 3.59% | 3.1% | Giảm 0.49% |
| 8 | **Chỉ số 8** | Tỷ lệ hài lòng của Người bệnh với dịch vụ khám chữa bệnh. | 91% | 91.8% | Tăng 0.8% |
| 9 | **Chỉ số 9** | Tỷ lệ hài lòng của nhân viên y tế | 90% | 95.35% | Tăng 5,35% |
| 10 | **Chỉ số 10** | Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến | 69.2% | 72% | Tăng 2.8% |

**III/ Phân tích chỉ số đo lường cụ thể thông qua biểu đồ so sánh:**

**1. Chỉ số 1: Tỷ lệ thực hiện cải tiến chất lượng đúng tiến độ**

**Biểu đồ 1: Tỷ lệ thực hiện cải tiến chất lượng đúng tiến độ**

**Nhận xét:** Xây dựng kế hoạch cải tiến tiêu chí chất lượng là một trong những việc đầu tiên trong công tác quản lý chất lượng, để chất lượng được nâng cao đòi hỏi chúng ta có một kế hoạch toàn diện, chất lượng, khả thi, và để các tiêu chí cải tiến đạt được một kết quả như chúng ta mong muốn thì bắt buộc chúng ta phải theo dõi đánh giá tiến độ thực hiện theo kế hoạch, chính vì vậy chỉ số này nhằm 90% tiêu chí đưa ra thực hiện đúng tiến độ. Kết quả đạt với chỉ tiêu đề ra đạt 100%.

Tiêu chuẩn chỉ số: ≥ 98%. Vậy chỉ số này **đạt** yêu cầu so với mục tiêu đề ra.

**2. Chỉ số 2: Tỷ lệ phẫu thuật loại II trở lên**

**Biểu đồ 2: Biểu đồ thể hiện tỷ lệ phẫu thuật loại II trở lên cngười bệnh**

**Nhận xét:** Phẫu thuật loại II trở lên nên được thực hiện ở bệnh viện huyện. Tuy nhiên, có những bệnh viện huyện không thực hiện được hoặc thực hiện rất ít phẫu thuật loại II, trong khi đó, các bệnh viện tuyến trung ương và tuyến tỉnh vẫn thực hiện loại phẫu thuật này. Tỷ lệ phẫu thuật loại II cho phép đánh giá sự phù hợp chuyên môn và phân tuyến kỹ thuật, từ đó, có những biện pháp điều chỉnh để tăng cường năng lực tuyến dưới và giảm tải cho tuyến trên tỷ lệ phẫu thuật loại II trở lên năm 2024 đạt tỷ lệ 97.7%, tăng so với cùng kì năm 2023.

Tiêu chuẩn chỉ số: ≥ 90%. Vậy chỉ số này **đạt** yêu cầu so với mục tiêu đề ra.

**3. Chỉ số 3: Tỷ lệ sự cố y khoa trong đơn vị được phát hiện và báo cáo**

**Biểu đồ 3: Biểu đồ thể hiện tỷ lệ sự cố y khoa trong đơn vị được phát hiện và báo cáo**

**Nhận xét:** Sự cố y khoa là những sự cố sai sót chuyên môn, sai sót hành chính hoặc tác dụng phụ của việc sử dụng thuốc gây ra hậu quả về sức khỏe, trang thiết bị ảnh hưởng đến quá trình điều trị, ảnh hưởng đến bệnh nhân làm giảm chất lượng chăm sóc y tế và ảnh hưởng đến uy tín, sự hài lòng của người bệnh đối với đội ngũ nhân viên y tế và cơ sở khám bệnh. Mặc dù sự cố y khoa sắp xảy ra hoặc đã xảy ra có thể hoặc chưa ảnh hưởng đến chúng ta nhưng nó đòi hỏi phải có biện pháp và phương hướng xử lý và dự phòng ngay lập tức.

Tiêu chuẩn chỉ số: 100%. Vậy chỉ số này **đạt** yêu cầu so với mục tiêu đề ra.

**4. Chỉ số 4: Thời gian nằm viện trung bình**

**Biểu đồ 4: Biểu đồ thể hiện thời gian nằm viện trung bình**

**Nhận xét:** Thời gian nằm viện trung bình thể hiện đo lường hiệu suất và sự phù hợp trong chăm sóc, điều trị tại cơ sở y tế. Thời gian năm viện năm 2024 tăng 0.3 ngày so với cùng kì 2023.

Tiêu chuẩn chỉ số: ≤ 5 ngày. Vậy chỉ số này **đạt** yêu cầu so với mục tiêu đề ra.

**5. Chỉ số 5: Thời gian khám bệnh trung bình của người bệnh:**

**Biểu đồ 5: Biểu đồ thể hiện thời gian khám bệnh trung bình của**

**người bệnh**

**Nhận xét:** Thời gian khám bệnh trung bình thể hiện mức độ quá tải cũng như trình độ tổ chức khám bệnh. Đo lường thời gian khám bệnh giúp cải thiện sự hài lòng người bệnh và hiệu suất làm việc của các phòng khám. Thời gian khám bệnh năm 2024 tăng 04 phút 51 giây so với cùng kì 2023.

Tiêu chuẩn chỉ số: ≤ 40 phút. Vậy chỉ số này **đạt** yêu cầu so với mục tiêu đề ra.

**6. Chỉ số 6: Công suất sử dụng giường bệnh**

**Biểu đồ 6: Biểu đồ thể hiện công suất sử dụng giường bệnh**

**Nhận xét:** Số giường thực tế thường lớn hơn số giường kế hoạch nhưng các bệnh viện thường hay sử dụng số giường bệnh kế hoạch để tính toán công suất sử dụng giường bệnh. Công suất sử dụng giường bệnh theo số giường thực tế đo lường chính xác hơn mức độ quá tải bệnh viện, đồng thời, giúp theo dõi những thay đổi trong hoạt động của đơn vị.Tiêu chuẩn chỉ số: ≥ 85 %. Vậy chỉ số này **không đạt** yêu cầu so với mục tiêu đề ra. Vậy cần tiếp tục phát huy hiệu quả khám chữa bệnh tại đơn vị và tăng cường công tác thu dung người bệnh bằng các biện pháp sau: Phát triển thêm 1 số kỹ thuật mới tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng; tiếp tục tăng cường công tác an toàn người bệnh và tiếp tục duy trì các hoạt động đáp ứng nhu cầu người bệnh, hướng tới sự hài lòng người bệnh.

Tiêu chuẩn chỉ số: ≥ 85 %. Vậy chỉ số này **Không** **đạt** yêu cầu so với mục tiêu đề ra.

**7. Chỉ số 7: Tỷ lệ chuyển tuyến trên khám chữa bệnh**

**Biểu đồ 7: Biểu đồ thể hiện tỷ lệ chuyển tuyến trên khám chữa bệnh**

**Nhận xét:** Tỷ lệ chuyển tuyến là chỉ số chất lượng điều trị, phần lớn các ca chuyển tuyến trên do vượt khả năng điều trị của tuyến dưới. Tỷ lệ chuyển tuyến năm 2024 giảm so với cùng kì năm 2023.

Tiêu chuẩn chỉ số: ≤ 5%. Vậy chỉ số này **đạt** yêu cầu so với mục tiêu đề ra. Các trường hợp trong khả năng điều trị của đơn vị các khoa chuyên môn cần giải thích cho bệnh nhân ở lại điều trị, chỉ chuyển tuyến các trường hợp vượt khả năng điều trị của đơn vị.

8. **Chỉ số 8: Tỷ lệ hài lòng của người bệnh với dịch vụ khám bệnh**

\

**Biểu đồ 8: Tỷ lệ hài lòng của người bệnh với dịch vụ khám chữa bệnh**

**Nhận xét:** Tỷ lệ hài lòng của Người bệnh với dịch vụ khám chữa bệnh thể hiện mức độ hài lòng của người bệnh với dịch vụ khám chữa bệnh tại đơn vị. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh với dịch vụ khám chữa bệnh năm 2024 tăng 0.8% so với cùng kì năm 2023.

Tiêu chuẩn chỉ số: ≥ 90%. Vậy chỉ số này **đạt** yêu cầu so với mục tiêu đề ra.

9. **Tỷ số 9: Tỷ lệ hài lòng của nhân viên y tế**

**Biểu đồ 9: Tỷ lệ hài lòng của nhân viên y tế**

**Nhận xét:** Hài lòng nhân viên y tế là đầu ra quan trọng của TTYT, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh của đơn vị. Theo quy định của Bộ Y tế, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải thường xuyên đánh giá sự hài lòng của nhân viên y tế. Tỷ lệ hài lòng của nhân viên y tế năm 2024 tăng 5.35% so với cùng kì năm 2023.

Tiêu chuẩn chỉ số: ≥ 90%. Vậy chỉ số này **đạt** yêu cầu so với mục tiêu đề ra.

**10. Chỉ số 10: Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến**

**Biểu đồ 10: Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến**

Nhận xét: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn là một số chỉ số đánh giá năng lực chuyên môn kỹ thuật của bệnh viện, là căn cứ để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân trong diện bao phủ và là cơ sở để đầu tư phát triển

Tiêu chuẩn chỉ số: > 69%. Vậy chỉ số này **đạt** yêu cầu so với mục tiêu đề ra.

Trên đây là báo cáo chỉ số đo lường chất lượng năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Sở Y tế tỉnh Đắk Nông ;  - Đảng Uỷ, Ban giám đốc;  - Các khoa, phòng;  - Lưu: VT,KHNV(Thương). | **KT.GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Trương Thị Kha** |